

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Châu Thanh Tân
2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Ông Dương Cẩm Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: tổ B, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đinh Đức T1**, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: số A, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Khánh H**, sinh năm 1999. ĐKTT: số nhà A, tổ B, ấp P, xã N, Huyện M, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

Địa chỉ làm việc: số D, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vinh Long; hiện đang sinh sống tại: số A, đường N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2024 cùng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Việt T trình bày:

- Về hôn nhân: chị T và anh H quen biết và tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm, đến giữa năm 2019 thì chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức lễ cưới, ngày 19/8/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Chị T và anh H sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Đến tháng 5 năm 2024 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đầu tháng 5 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Chị T, anh H và gia đình đã nhiều lần nói chuyện giúp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Hiện chị T và con đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long sinh sống, chị T xác định không còn tình cảm với anh H, yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: quá trình hôn nhân chị T và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/8/2020. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị sinh sống và bán đồ ăn tại nhà mẹ ruột tại Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, thu nhập từ 3.000.000đ - 4.000.000đ/tháng, nên chị chủ động được thời gian chăm sóc con vì con còn rất nhỏ và là con gái. Ngoài ra, thời gian rảnh mẹ và anh chị của chị cùng phụ chăm lo, nuôi dưỡng con được tốt hơn.

- Về tài sản chung: chị T và anh H không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T và anh H không có nợ chung, không ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Khánh H trình bày: anh H thống nhất các nội dung về thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung như lời trình bày của chị T. Anh bổ sung thêm:

- Về hôn nhân: anh và chị T bắt đầu quan điểm sống từ năm 2022, nhưng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 5/2024. Chị T có người khác bên ngoài nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ tháng 5/2024 chị T dẫn con bỏ đi, chặn liên lạc với anh nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T và con còn nhỏ rất cần tình thương của cả cha mẹ nên không đồng ý ly hôn với chị T. Anh H xin được đoàn tụ với chị T để cùng chăm lo gia đình.

- Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/8/2020, hiện con chung đang sống cùng với chị T. Nếu phải ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Từ năm 2017 đến nay, anh làm việc ổn định tại quán M - địa chỉ: số D, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian làm việc 10 giờ/ngày, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ, hơn nữa mẹ và em gái của anh cũng phụ giúp anh chăm sóc con. Hiện tại anh đang thuê trọ sống tại địa chỉ: số A, đường N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất lời trình bày của chị T, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đinh Đức T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T và anh H được ly hôn; giao con chung cho chị T nuôi dưỡng vì chị T có chỗ ở ổn định tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo xác nhận thông tin về cư trú ngày 21/8/2024 của Công an xã H; chị T còn buôn bán tại nhà, con còn nhỏ và là giới tính nữ; anh H cũng xác nhận từ ngày anh H và chị T sống ly thân đến nay chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt; tuy anh H có công việc và thu nhập cao nhưng anh H làm việc từ 12 giờ trưa đến 09 giờ tối, do đó anh H khó sắp xếp thời gian bên con, không thuận tiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, hiện tại anh H còn thuê nhà trọ ở nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng. Chị T vẫn tạo điều kiện tốt cho anh H thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Chị T thống nhất ý kiến của ông T1, không bổ sung gì thêm.

Anh H không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn thì yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh H làm nhân viên phục vụ quán từ 12 giờ trưa

đến 09 giờ tối, thu nhập ổn định nếu được nuôi con anh xin thay đổi thời gian làm việc để đưa rước con và nhờ mẹ ruột, em ruột phụ chăm sóc, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh H; về con chung: giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/8/2020 cho chị Nguyễn Việt T nuôi dưỡng, anh Nguyễn Khánh H không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; án phí sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh H, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi làm việc tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh H đều trình bày vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2022, anh H thừa nhận vào năm 2020 anh có quen người phụ nữ khác khi chị T phát hiện anh đã chấm dứt cho đến nay. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 5 năm 2024, do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh chị và gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được. Từ đầu tháng 5 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân, chị T và con về nhà mẹ ruột chị T sinh sống tại Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Anh H cho rằng còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ nhưng xét thấy chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T và anh H ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: chị T và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/8/2020. Cả hai cùng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị T không hạnh phúc, từ tháng 5/2024 chị T cùng con về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có xác nhận thông tin về cư trú ngày 21/8/2024 của Công an xã H, con có cuộc sống ổn định; hơn nữa chị T buôn bán tại nhà có nhiều thời gian chăm sóc con vì còn nhỏ lại là nữ; anh H cũng xác định từ ngày con ở với chị T đến nay chị T chăm sóc con tốt, phát triển khỏe mạnh; còn anh H là nhân viên làm việc tại quán M mỗi ngày làm việc 10 giờ, từ 12 giờ trưa đến 09 giờ tối, dù có thu nhập ổn định, bình quân 10.000.000đ/tháng nhưng anh H không có nơi cư trú ổn định, phải thuê nhà trọ sinh sống, không có thời gian để chăm sóc con, trong khi con còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của cha mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Việt T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007115 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Việt T với anh Nguyễn Khánh H.

2. Về con chung: tiếp tục giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 02/8/2020 cho chị Nguyễn Việt T nuôi dưỡng, anh Nguyễn Khánh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Việt T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007115 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND xã Phước Hậu, huyện Long Hồ;
(Giấy CNKH số 53, ngày 19/8/2020);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

